

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình cấp nước liên xã Ea Đar – thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, công suất 5.000m³/ngày đêm tại huyện Krông Pắc và huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk”

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh “Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”;

Xét Công văn số 2701/STNMT-MT ngày 28/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường “Về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình cấp nước liên xã Ea Đar – thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, công suất 5.000m³/ngày đêm tại huyện Krông Pắc và huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk” và Văn bản số 430/CV ngày 14/11/2022 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk “V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Công trình cấp nước liên xã Ea Đar – thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, công suất 5.000m³/ngày đêm tại huyện Krông Pắc và huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 357/TTr-STNMT ngày 06 / 12 /2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình cấp nước liên xã Ea Đar – thị trấn Ea Knốp, huyện Ea

Kar, công suất 5.000m³/ngày đêm tại huyện Krông Pắc và huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Krông Pắc và huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Môi trường (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Krông Pắc;
- UBND huyện Ea Kar;
- Ban QLDAĐT XD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk (Đ/c: Số 10A Trần Hưng Đạo, thành phố Buôn Ma Thuột);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC LIÊN XÃ EA ĐAR – THỊ TRẤN EA
KNÓP, HUYỆN EA KAR CÔNG SUẤT 5.000 M³/NGÀY ĐÊM**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2022
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Công trình cấp nước liên xã Ea Đar – thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, công suất 5.000m³/ngày đêm.
- Địa điểm thực hiện dự án: huyện Krông Pắc và huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.
- Địa chỉ liên lạc: Số 10A Trần Hưng Đạo, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô sử dụng đất:
 - + Công trình thu nước và trạm bơm cấp 1: xây dựng trong lòng Hồ Krông Búk Hạ thuộc xã Ea Phê, huyện Krông Pắc với diện tích 22,67 m².
 - + Trạm xử lý nước: xây dựng tại xã Krông Búk, huyện Krông Pắc với diện tích 20.000 m².
 - + Trạm bơm tăng áp: xây dựng tại thôn 5, xã Ea Đar, huyện Ea Kar với diện tích 2.100m².

- Quy mô công suất cấp nước: 5.000m³/ngày đêm

1.3. Công nghệ sản xuất

Nước Hồ Krông Búk Hạ → Trạm bơm cấp 1 → Ngăn phân chia lưu lượng → Bể phản ứng → Bể lắng Lamén → Bể lọc nhanh trọng lực → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp 2 rửa lọc → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm tăng áp → Mạng lưới đường ống cấp nước.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

- Các hạng mục công trình chính:
 - + Công trình thu nước và trạm bơm cấp 1 diện tích 22,67 m². Lắp đặt 02 máy bơm nước (Q= 210.000 m³/h; H=36,0m) để bơm nước thô về trạm xử lý.
 - + Trạm xử lý nước bao gồm:
 - a. Cụm phản ứng - bể lắng xây nổi bằng BTCT toàn khối diện tích 4 ngăn 107,38 m².
 - b. Bể lọc nhanh gồm 4 ngăn diện tích 37 m²
 - c. Bể chứa nước sạch diện tích 196 m², dung tích 1.000 m³

d. Trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc (trạm bơm cấp 2) diện tích 133,931 m², gồm 03 máy bơm nước sạch đường kính ống hút D250 và 01 máy bơm rửa lọc đường kính ống hút DN300.

e. Nhà điều hành diện tích 288 m²

f. Bể lắng bùn dung tích 238,68 m³, sân phơi bùn diện tích 108,8 m².

g. Nhà hoá chất diện tích 68,85 m².

h. Trạm bơm tăng áp diện tích 94,4 m²

i. Bể chứa nước sạch thể tích $V = 500\text{m}^3$

j. Tuyến ống truyền dẫn

Tuyến ống số 1: Tuyến ống HDPE D280 truyền tải nước sạch dài 10.874 m dẫn nước từ trạm xử lý đến đầu thị trấn Ea Kar đoạn trên quốc lộ 26.

Tuyến ống số 2: Tuyến ống HDPE D225 truyền tải nước sạch dài 12.900m từ đầu thị trấn Ea Kar đến cuối thị trấn Ea Knốp.

Tuyến ống số 3: Tuyến ống HDPE D225 truyền tải nước sạch dài 10.745m từ đầu thị trấn Ea Đar đến cuối thị trấn Ea Knốp.

- Các hạng mục công trình phụ trợ gồm có:

+ Trạm biến áp Diện tích: 30,24m², lắp đặt máy phát điện 320KVA;

+ Cổng, tường rào, đường nội bộ.

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường gồm có:

+ Hệ thống thu gom thoát nước mưa;

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn.

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn cây trồng, thảm thực vật);

+ Hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng;

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động xử lý nước cấp;

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại Dự án;

+ Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động thu dọn cây trồng, thảm thực vật; đào đắp, san gạt mặt bằng;

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh bụi, khí thải;

- Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- Quy trình xử lý nước cấp như sau: Nước Hồ Krông Búk Hạ → Trạm bơm cấp 1 → Ngăn phân chia lưu lượng → Bể phản ứng → Bể lắng Lamén → Bể lọc nhanh trọng lực → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp 2 rửa lọc → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm tăng áp → Mạng lưới đường ống cấp nước.

- Tác động đến môi trường khi Dự án đi vào hoạt động gồm: bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt (Phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ Dự án) với lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt (Phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án) với lưu lượng khoảng 0,45 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn cây trồng, thảm thực vật); đào đắp, san gạt mặt bằng; thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển của công nhân, vận chuyển hóa chất. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 15 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 9 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu không đạt chuẩn, rơi vãi trong suốt quá trình thi công (Ước tính khoảng 5,9 tấn/tháng).

- Giai đoạn vận hành:

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp, bể tự hoại.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu với khối lượng ít; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin, bao bì cứng nhựa có chứa thành phần nguy hại...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng khoảng 9,1 kg/tháng; thành phần chủ yếu là bao bì hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau, gang tay dính dầu mỡ bôi trơn thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị phục vụ Dự án; các phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án (trên đường liên xã) và vùng dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án và vùng dự án.

+ Tác động do hoạt động khai thác nước mặt.

+ Tác động do sự cố sụt lún, trượt lở, cháy nổ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: sử dụng nhà vệ sinh của gần khu vực dự án để xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (số lượng 02 bể tại khu vực trạm xử lý và khu vực trạm bơm tăng áp), kích thước 1,9 m x 3,1m x 1,9m.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chở đúng tải trọng quy định. Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

- Công trình: không có.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

Giảm thiểu mùi hôi từ hóa chất xử lý nước cấp: bố trí kho chứa hóa chất cách xa văn phòng làm việc và khu dân cư lân cận. Bảo quản hóa chất trong thùng kín, dán nhãn mác cụ thể và hướng dẫn sử dụng.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án; chất thải có thể tái chế được thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Sinh khối phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng sẽ được thu gom, tận dụng hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.

- Tận dụng lượng đất đào thải vào san lấp mặt bằng. Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy đặt tại khu vực văn phòng để thu gom tất cả các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án; định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn. Thực hiện lấy mẫu, phân định, phân loại bùn thải để có biện pháp quản lý theo quy định (Nếu bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; nếu

bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý như chất thải công nghiệp thông thường).

- Yêu cầu: Phải đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Thu gom, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa riêng (Có nắp đậy, dán nhãn theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

Thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; được lưu giữ tạm thời trong kho lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định (Diện tích khoảng 8 m²). Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công:

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Công trình: không có.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

Lắp đặt máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước cấp theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về kho chứa hóa chất

Thực hiện quản lý hoá chất theo đúng Nghị định số 108/2007/NĐ-CP ngày 7/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất; Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 8/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 7/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn và phòng chống cháy nổ.

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian triển khai xây dựng.
- Vị trí: 04 điểm (Tại vị trí trạm xử lý nước, trạm bơm tăng áp, vị trí thi công xây dựng tuyến ống tại xã Ea Đar, vị trí thi công xây dựng tuyến ống tại thị trấn Ea Knốp).

- Thông số: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi khi phát sinh chất thải) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.3. Giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường” và theo Giấy phép môi trường của Dự án.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án

5.3.1. Giám sát chất lượng nước cấp

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí: 02 điểm (01 điểm tại vị trí khai thác nước, 01 điểm tại lưu vực hồ Không Búk hạ).

- Thông số: pH, BOD, COD, DO, SS, NO_2^- , NO_3^- , NH_4^+ , tổng N, PO_4^{3-} , tổng P, dầu mỡ, Coliform, As, Ba, Pb, Mn, Fe, Ni, Hg, Sn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.3. Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.4. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: sự cố sụt lún và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác liên quan.

6. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án.

6.4. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án; lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra, cấp phép trước khi vận hành công trình xử lý chất thải theo khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường; Báo cáo kế hoạch, kết quả vận hành thử nghiệm theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư 02/2022/TTBTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; đăng ký môi trường trước khi vận hành chính thức sau khi đã hoàn thành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.5. Thực hiện đầy đủ thủ tục về khai thác nước mặt theo quy định. Chỉ khai thác nước sau khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước tại khu vực được phê duyệt và phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.6. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng

ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.7. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu giữ các tài liệu có liên quan đến báo cáo tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

6.8. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.